

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 25/2019/DS-ST

Ngày: 29-11-2019

*“V/v tranh chấp hợp
đồng vay tài sản”.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Nhi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hán Duy Thập và ông Nguyễn Quang Châu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Đình Hội là Thẩm tra viên TAND huyện Krông Nô.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: Ông Nông Quốc Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 110/2019/TLST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2019/QĐST-DS ngày 21 /11/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trịnh Văn N (vắng mặt), bà Trần Thị T1(vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện ủy quyền cho nguyên đơn là ông Dương Văn N (có mặt), địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông (theo văn bản ủy quyền ngày 16/7/2019) .

Bị đơn: Ông Phạm K (vắng mặt), bà Võ Thị T2 (có mặt).

Địa chỉ: thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12/7/2019, trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Năm 2018 do có mối quan hệ quen biết nên ông Trịnh Văn N, bà Trần Thị T1 cho bà Võ Thị T2 vay tiền mặt và chót cà phê, cụ thể: ngày 03/01/2018 bà T2 vay tiền mặt số tiền 50.000.000 đồng và ngày 27/6/2018 bà T2 chót 01 tấn cà phê nhân xô. Hình thức vay bằng tiền mặt, giá thời điểm chót là 35.000.000 đồng (quy ra tiền là 35.000.000 đồng/ 1 tấn) và

không thỏa thuận lãi suất. Nay ông Trịnh Văn N, bà Trần Thị T1 yêu cầu bà Võ Thị T2, ông Phạm K trả tổng số tiền 85.000.000 đồng, trong đó 50.000.000 đồng tiền mặt, 35.000.000 đồng tiền chốt cả phê và không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn ông Dương Văn N rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với 1.500.000 đồng trong số tiền 85.000.000 đồng; đồng thời không yêu cầu khởi kiện đối với ông Phạm K do ông Phạm K không giao dịch vay tiền mặt cũng như chốt cả phê với ông N bà T1. Ông Trịnh Văn N, bà Trần Thị T1 yêu cầu bà Võ Thị T2 thanh toán số tiền gốc 83.500.000 đồng, cụ thể tiền gốc là 50.000.000 đồng, tiền chốt 01 tấn cả phê tính giá trị tại thời điểm xét xử là 33.500.000 đồng.

Tại bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn bà Võ Thị T2 trình bày:

Bà Võ Thị T2 thừa nhận phần trình bày của người đại diện theo ủy quyền của ông Trịnh Văn N, bà Trần Thị T1 là đúng, cụ thể ngày 03/01/2018 bà T2 vay số tiền 50.000.000 đồng và ngày 27/6/2018 bà T2 chốt 01 tấn cả phê nhân xô và đã nhận tiền mặt và hẹn đến mùa cả phê tháng 11 năm 2018 thanh toán cho bà T1, các giấy trên do bà T2 viết và ký vào giấy nợ tại nhà ông N bà T1, việc vay mượn tiền và chốt cả phê mục đích là sử dụng cá nhân, ông Phạm K (chồng bà T2) không liên quan đến việc vay mượn và chốt cả phê này nhưng giấy vay và giấy chốt cả phê nhân xô bà T2 đã thanh toán xong cho ông N bà T1 với tiền lãi suất là 2.000.000 đồng sau thời hạn 20 ngày (tức là ngày 16/7/2018) nhưng không xóa sổ nợ. Vì vậy bà T2 không đồng ý thanh toán số tiền 85.000.000 đồng cho ông N bà T1.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Dương Văn N rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với 1.500.000 đồng trong số tiền 85.000.000 đồng và không yêu cầu khởi kiện đối với ông Phạm K do ông Phạm K không giao dịch vay tiền mặt cũng như chốt cả phê với ông N bà T1 thì bà T2 không có ý kiến gì. Đối với việc chốt 01 tấn cả phê nhân xô bà T2 thỏa thuận tại thời điểm xét xử, giá 01 tấn cả phê nhân xô là 33.500.000 đồng. Ngoài ra không có ý kiến gì thêm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô về phần tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Đã chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật từ quá trình thụ lý, lập hồ sơ thẩm phán đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật. Xác định đúng quan hệ tranh chấp giữa các bên; Tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản hợp lệ đến các đương sự. Thẩm phán đã tiến hành hòa giải đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng mọi thủ tục, trình tự xét xử theo đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, không có trường hợp nào phải thay đổi người tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử đã hỏi và thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Về phần chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định, quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; Bị đơn ông Phạm K vắng mặt, mặt khác người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Phạm K, do đó không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ trả nợ đối với ông Phạm K. Vì vậy HĐXX căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông Phạm K là hoàn toàn có căn cứ.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Võ Thị T2 phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trịnh Văn N, bà Trần Thị T1 số tiền gốc là 83.500.000 đồng và không tính lãi suất.

Đình chỉ đối với yêu cầu của ông Trịnh Văn N, bà Trần Thị T1 yêu cầu bà T2 phải thanh toán số tiền 1.500.000 đồng do người đại diện cho nguyên đơn đã tự nguyện rút tại phiên tòa.

Về án phí: Buộc bà Võ Thị T2 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa ngày hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả số tiền gốc là 50.000.000 đồng, do đó quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và nguyên đơn yêu cầu chị T2 trả tiền 35.000.000 đồng tại thời điểm chốt 1 tấn cà phê nhân xô, bà T2 đã nhận bằng tiền mặt do đó quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Điều 463 Bộ luật dân sự 2015.

- Bị đơn ông Phạm K và bà Võ Thị T2 có địa chỉ thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn ông Phạm K được triệu tập hợp lệ tại Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do, tuy nhiên giữa nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận và xác định ông Phạm K không tham gia giao dịch vay tiền mặt cũng như giao dịch chốt cà phê với ông N bà T1. Bà T2 khẳng định bà vay số tiền 50.000.000 đồng và chốt 01 tấn cà phê của ông N, bà T1 sử dụng vào mục đích cá nhân. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện và không yêu cầu ông Phạm K có nghĩa vụ trả nợ cho ông N, bà T1 đối với số tiền 50.000.000 đồng và chốt 01 tấn cà phê nhân xô. Do đó không làm phát sinh nghĩa vụ trả nợ của ông K đối với ông N, bà T1, mặc khác căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Phạm K.

[2] Xét yêu cầu của ông Trịnh Văn N, bà Nguyễn Thị T1 về việc buộc bà Võ Thị T2 trả số tiền gốc 50.000.000 đồng vay vào ngày 03/01/2018 và chốt 01 tấn cà phê nhân xô vào ngày 27/6/2018 và không yêu cầu lãi suất. Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình giải quyết ông N bà T1 cung cấp tại Tòa án 01 giấy vay tiền ngày 03/01/2018 bản gốc và 01 giấy chốt cà phê bản gốc (b1 13,14) thể hiện nội dung bà Võ Thị T2 vay ông N, bà T1 số tiền 50.000.000 đồng và chốt 1 tấn cà phê, không thỏa thuận tính lãi suất, có chữ ký, chữ viết của các bên. Bà T2 thừa nhận nội dung trong 02 giấy vay là đúng và bà T2 viết tại nhà ông N bà T1 trú tại thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Quá trình giải quyết vụ án các bên thừa nhận ông Phạm K (chồng bà T2) không liên quan đến việc vay mượn và chốt cà phê này, vì vậy không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ trả nợ đối với ông Phạm K đối với ông N bà T1. Tại phiên tòa các bên thỏa thuận 01 tấn cà phê nhân xô, giá thành tiền 33.500.000 đồng. Lời khai của các bên hoàn toàn tự nguyện, thống nhất, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án công nhận tình tiết này không phải chứng minh. Do đó việc bà Võ Thị T2 vay của ông Trịnh Văn N, bà Nguyễn Thị T1 số tiền 50.000.000 đồng và chốt 01 tấn cà phê nhân xô là có thật, việc vay tiền và chốt 1 tấn cà phê nhân xô giữa hai bên hoàn toàn tự nguyện, không có sự ép buộc nào. Bà T2 thừa nhận quá trình vay mượn các bên có thỏa thuận nếu không trả được 01 tấn cà phê nhân xô thì phải trả bằng tiền mặt, tuy nhiên tại phiên tòa các bên thỏa thuận giá 01 tấn cà phê thành tiền là 33.500.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, bà T2 khai rằng đã thanh toán cho ông N bà T1 số tiền vay 50.000.000 đồng, cũng như việc chốt 01 tấn cà phê nhưng bà T2 đã thanh toán tất cả số tiền trên sau thời hạn 20 ngày tính từ ngày mượn, cũng như đã trả tiền lãi là 2.000.000 đồng nhưng bà T2 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc bà T2 đã thanh toán cho ông N bà T1 số tiền trên. Vì vậy về mặt chứng cứ chưa đảm bảo về thanh toán, do đó đã vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bà Võ Thị T2 thanh toán cho ông Trịnh Văn N bà Nguyễn Thị T số tiền 83.500.000 đồng, trong đó gốc là 50.000.000 đồng và chốt cà phê 1 tấn 33.500.000 đồng và không tính lãi suất.

[3] Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.500.000 đồng trong số tiền 85.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, việc người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu là tự nguyện. Căn cứ Điều 244 của bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ đối với số tiền 1.500.000 đồng.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, buộc bà Võ Thị T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 4.175.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Trịnh Văn N bà Nguyễn Thị T1 số tiền 2.125.000 đồng theo biên lai 0000958 ngày 24/7/2019 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 138, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 117, Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn N, bà Nguyễn Thị T1.

Buộc bà Võ Thị T2 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trịnh Văn N bà Nguyễn Thị T1 số tiền 83.500.000 đồng, trong đó gốc là 50.000.000 đồng và 01 tấn cà phê trị giá 33.500.000 đồng và không tính lãi suất.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Trịnh Văn N, bà Trần Thị T1 **yêu cầu** bà T2 phải thanh toán số tiền 1.500.000 đồng.

[3] Về án phí: Buộc bà Võ Thị T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 4.175.000 đồng và nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

Hoàn trả cho ông Trịnh Văn N, bà Nguyễn Thị T1 số tiền 2.125.000 đồng theo biên lai 0000958 ngày 24/7/2019 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- CCTHADS huyện Krông Nô;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

VÕ THỊ NHI (đã ký)